



CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giấy Chứng Nhận Hiệu Chuẩn
Report No. C050421-68339



Description / Mô tả: Data Logger

Model # / Kiểu: BL-1D

Manufacturer / NSX: ROTRONIC

Calibration Procedure / Quy trình hiệu chuẩn: Manufacturer's Spec

Calibration Date / Ngày Hiệu chuẩn: 03/May/2021

Calibration Temperature / Nhiệt độ hiệu chuẩn: 23 ± 2 °C

Calibration Result / Kết quả hiệu chuẩn: Pass – the measured result is inside the acceptance limit
Đạt - kết quả đo nằm trong giới hạn chấp nhận

Customer / Công ty: CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

Address / Địa chỉ: Phòng 406, Tầng 4, Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, P.Tương Mai, Q.Hoàng Mai, Hà Nội

WO # / Mã số: W050321-001

Serial # / Số seri: A18061006

Asset # / Mã số TS: TB-156

Calibration Place / Nơi Hiệu Chuẩn: KL Lab

Recalibration date / Ngày HC khuyến nghị

Calibration Humidity / Độ ẩm hiệu chuẩn: 50 ± 10 %RH

Certified by QC / QC lập chứng nhận: Tran Trung Kien

Standard utilized / Chuẩn sử dụng

Standard # / Chuẩn	Manufacturer / NSX	Model # / Số Model	Due Date / Ngày hết hạn	Traceable to / Chuẩn liên kết
TH-KE-065	JEIO	TH-KE-065	07/Jan/2022	C011121-56568
TE1604.1	TECNOSOFT	STERILDISK PROBE 50	04/Sep/2021	SD-0225-19L04

Special Requirement / Yêu cầu đặc biệt:

This certifies that the attached calibration result of above instrument in compliance with Requirement of The calibration procedure. Decision rule is used "Non-binary statement with guard band" based on it. Standards used to perform this calibration are certified by or traceable to NIST, natural physical constants, consensus standards or derived by the ratio type calibrations. Expanded uncertainties are determine as required with a distribution that corresponds to a probability of approximately 95% (2 sigma), no sampling plan or other process was used for this calibration, the results reported herein apply only to the calibration of item described above. All calibrations are performed to manufacturer's specifications, unless otherwise noted or (N/A) Not applicable when no tolerance provided by manufacturer. Customer has been contacted concerning re-certification interval and documentation has been received and is on file. This certificate shall not be reproduced without the prior express written consent of Kim Long Calibration And Technologies.

Giấy chứng nhận này xác nhận rằng kết quả hiệu chuẩn đính kèm của Thiết bị ở trên phù hợp với các yêu cầu của Quy trình hiệu chuẩn đã nêu, và Quy tắc ra quyết định "Tuyên bố không nhị phân với dải bảo vệ" được lựa chọn dựa theo Quy trình hiệu chuẩn này. Các Chuẩn được sử dụng để thực hiện hiệu chuẩn này được chứng nhận hoặc truy xuất với NIST, các hằng số vật lý tự nhiên, tiêu chuẩn thống nhất, hoặc có nguồn gốc do loại tỷ lệ hiệu chuẩn. Độ Không đảm bảo đo mở rộng được xác định theo yêu cầu với sự phân phối tương ứng xác suất khoảng 95% (2 sigma), không có kế hoạch lấy mẫu hoặc quá trình khác đã được sử dụng cho hiệu chuẩn này, kết quả báo cáo trong tài liệu này chỉ áp dụng cho việc hiệu chuẩn thiết bị mô tả ở trên. Tất cả hiệu chuẩn được thực hiện theo thông số kỹ thuật của Nhà sản xuất, trừ khi có ghi chú khác hoặc (N/A) không áp dụng khi không có dung sai của Nhà sản xuất. Khách hàng đã được liên lạc về khoảng thời gian tái chứng nhận (Next due date), tài liệu đã nhận và đã được lưu trong hồ sơ. Giấy Chứng Nhận này không được phép sao chép, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Kim Long Calibration and Technologies.

Signature or Stamp:

Calibrated by/Người HC:



Ngo Van Luyen

Signature or Stamp:

Approved by/Phê duyệt:



Tran Minh Cuong



Calibration Report / Biên bản hiệu chuẩn
Report No / Số biên bản : C050421-68339

Manufacturer: ROTRONIC
Nhà sản xuất:

Model: BL-1D
Kiểu:

Asset No / Serial No: TB-156 / A18061006
Mã số quản lý / Số seri:

Result of Calibration / Kết quả hiệu chuẩn

Function Chức năng	Standard Value Giá trị chuẩn	UUT Value Giá trị UUT		Deviation Độ Lệch	Result Kết quả	Expanded Uncertainty Độ không đảm bảo đo mở rộng	Tolerance Dung sai	
		As Found Trước hiệu chuẩn	As Left Sau hiệu chuẩn				Min Nhỏ nhất	Max Lớn nhất
Temperature Nhiệt độ	20.0 °C	20.2	20.2	0.2	PASS/ ĐẠT	0.5	19.7	20.3
	25.0 °C	25.2	25.2	0.2	PASS/ ĐẠT	0.5	24.7	25.3
	30.0 °C	29.9	29.9	-0.1	PASS/ ĐẠT	0.5	29.7	30.3
Humidity Độ ẩm	40.0 %RH	38.5	38.5	-1.5	PASS/ ĐẠT	2.0	37	43
	60.0 %RH	58.8	58.8	-1.2	PASS/ ĐẠT	2.0	57	63
	80.0 %RH	78.6	78.6	-1.4	PASS/ ĐẠT	2.0	77	83
Barometric Pressure/ Áp suất khí quyển	1010.0 hpa	1010	1010	0	PASS/ ĐẠT	1	1007	1013

The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2.00$, providing a level of confidence of approximately 95 %

Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Remarks:

- As Found: Value before adjust.
- As Left: Value after adjusted.
- UUT: Unit Under Test / Thiết bị cần hiệu chuẩn.



Certified By Technician:
Kỹ thuật thực hiện



Ngo Van Luyen

Quality Inspector:
QC Kiểm duyệt



Cao Cam Giang